

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2018

V/v: "Xin ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

2. Ông **Dương Tấn Đầu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Không tham gia.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn Đ, huyện P, Kiên Giang.

* **Bị đơn:** Anh **Đoàn Phúc D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện P, Kiên Giang.

(Chị T và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai nguyên đơn chị Huỳnh Kim T trình bày: Năm 2013, chị và anh D tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng. Có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện P, Kiên Giang. Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014 quyền số 02 ngày 23/6/2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, dẫn đến tình

cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã nhiều lần hòa giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình, nhưng chuyện mâu thuẫn của vợ chồng mỗi ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không đạt được, không thể nào chung sống với nhau được nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2015 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có với nhau một người con chung tên Đoàn Phi A, sinh ngày 27/11/2014. Chị có nguyện được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn anh Đoàn Phúc D trình bày: Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và công nợ chung thì anh thống nhất với lời trình bày của chị T. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh D thống nhất ly hôn với chị Trúc.

Về con chung: Anh D đồng ý giao cháu A cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trúc.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Kim T và bị đơn anh Đoàn Phúc D đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, chị T và anh D tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện P, Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014 quyển số 02 ngày 23/6/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 04/2015 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

[3] Tại bản tự khai chị T khẳng định không còn tình cảm với anh D nên không thể tiếp tục chung sống được nữa. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 22/3/2018 anh D khẳng định không còn tình cảm với chị T và anh chị đã sống ly thân từ 3 năm nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh D thống nhất ly hôn với chị T.

Xét thấy chị T và anh D thuận tình ly hôn, tuy nhiên do các bên đều không có mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D được. Xét tình cảm của chị T và anh D không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Chị T và anh D thống nhất giao cháu Đoàn Phi A, sinh ngày 27/11/2014 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu A cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim T được ly hôn với anh Đoàn Phúc D.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Phi A, sinh ngày 27/11/2014 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị T và anh D có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002896 ngày 24/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Chị T được nhận lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh D không phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản bản được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Ngọc Hồng